

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HS-ST

Ngày: 12-01-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Đặng Hồng Sơn

**Thẩm phán:** Bà Phạm Uyên Thy

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1/ Bà Lê Thị Bích Dung

2/ Bà Lê Thị Xuân Lang

3/ Ông Trần Văn Triều

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quang Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 944/2021/TLST-HS, ngày 01/12/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5062/2021/QĐXXST-HS ngày 29/12/2021 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn Q;** giới tính: Nam; sinh năm: 1960, tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 27/1 TL, xã BD, huyện Q, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); bị cáo có vợ là Nguyễn Thị C, sinh năm 1966 và có 01 con tên Nguyễn Gia V, sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/11/2020, tạm giam tại Trại tạm giam Chí Hòa, Công an Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Ông Đoàn Anh Phương V, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư CV, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa);

**- Bị hại:**

1/ Phan Minh P - sinh năm: 1985,

Hộ khẩu thường trú: Ấp BT, xã BP, huyện CG, tỉnh Tiền Giang;

Trú tại địa chỉ: Số 158/46, tổ 15, khu phố 3, phường THT, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa)

2/ Mai Tiến N - sinh năm: 1990,

Hộ khẩu thường trú: Thôn MT, xã NT, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa;

Trú tại địa chỉ: Số 46 đường NSS, Phường Z, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa)

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1/ Lê Hoàng S- Sinh năm: 1971,

Trú tại: 121 Công Lữ, Phường Z, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt tại phiên tòa)

2/ Trần Tuấn H- Sinh năm: 1971,

Trú tại: C15/4 ấp 3, xã T, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt tại phiên tòa)

3/ Nguyễn Thu H2- sinh năm 1983,

Trú tại: 30/12 Calmette, phường Nguyễn Thái B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt tại phiên tòa)

4/ Trần Công K- sinh năm 1982,

Trú tại: 27/1 Liên khu 7-13, phường BBH, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa);

5/ Văn phòng Thừa Phát Lại Quận Y,

Địa chỉ: Số 137 đường 3 tháng 2, Phường V, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/6/2020, thông qua sự giới thiệu của người quen, anh Mai Tiến N gặp Nguyễn Văn Q tại Chi nhánh Văn phòng thừa phát lại Quận Y, địa chỉ số 43/1A đường PVH, xã XTT, huyện Q. Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, Q nói do đang cần tiền nên bán lô đất với giá 800.000.000 đồng, Q đưa cho anh N xem bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 257.QSDĐ/Q2, chứng nhận bà Phạm Thị Ch là chủ của lô đất có diện tích 673m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 8, số thửa đất 574, đất thổ vườn, có vị trí tại số 26/5, ấp TL, xã BD, huyện Q, Thành phố Hồ

Chí Minh và đưa cho anh N xem “Giấy tương phân gia tộc” với nội dung lô đất có diện tích 673m<sup>2</sup> của bà Phạm Thị Ch sẽ phân chia lại cho cháu nội, cháu ngoại, trong đó ông Q được hưởng 60 m<sup>2</sup>. Sau khi xem giấy tờ trên, tin tưởng là thật nên anh N đã thỏa thuận mua lô đất của ông Q với giá 500.000.000 đồng, hai bên đã lập vi bằng ngày 13/7/2020 tại Chi nhánh Văn phòng thừa phát lại Quận Y, anh N đã giao cho Q số tiền 500.000.000 đồng, sau khi mua xong anh N đi đến lô đất trên để xem lại thì phát hiện lô đất trên đã được sang nhượng lại cho người khác nên anh N làm đơn tố cáo.

Ngoài ra cũng với thủ đoạn tương tự, trước đó vào ngày 01/4/2020 Nguyễn Văn Q đã giao dịch bán phần đất trên cho anh Phan Minh P thông qua hình thức lập vi bằng tại Chi nhánh Văn phòng thừa phát lại Quận Y, chiếm đoạt số tiền 660.000.000 đồng.

Kết quả xác minh nguồn gốc đất được biết: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 257.QSDĐ/Q4 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 19/5/2000, diện tích 673m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 574, tờ bản đồ số 8, xã BD, huyện Q, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Phạm Thị Ch (đã chết) đứng tên sở hữu quyền sử dụng. Bà Ch có để lại thừa kế cho Nguyễn Thị Kim L, Trịnh Văn H3, Nguyễn Thị H4, Lê Văn T. Đối với lô đất Nguyễn Văn Q chào bán (thứ 4 từ ngoài vào, với diện tích 5x12m) là đất do bà Liên hưởng thừa kế. Bà Liên đã chuyển nhượng lại lô đất trên cho ông Ma Công M và bà Phan Thị Ái B, tiếp đến ông M và bà B đã chuyển nhượng lại cho ông Cao H Thảo và bà Dương Thị Hoàng H2. Ngày 11/12/2018, ông Thảo và bà H2 đã chuyển nhượng lại lô đất trên cho ông Trần Quang K (tất cả đều thực hiện dưới hình thức lập vi bằng).

Kết luận giám định số 2440/KLGD-TT ngày 13/5/2021, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận đối với 02 bản sao chụp “Giấy tương phân gia tộc” như sau:

- Các dấu vân tay đứng tên “Nguyễn Thị H4”, “Trịnh Văn H3” và dấu vân tay bên trái đứng tên “Nguyễn Thị S” trên hai tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với dấu vân tay của Nguyễn Văn Q là dấu vân tay của cùng một người.

- Dấu vân tay bên phải đứng tên “Nguyễn Thị S”, dấu vân tay đứng tên “Lê Văn T” trên hai tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 thể hiện mờ nhòe, không đủ yếu tố giám định.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh Nguyễn Văn Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

- Về phần dân sự: anh Phan Minh P yêu cầu hoàn trả lại số tiền 660.000.000 đồng và anh Mai Tiến N yêu cầu trả lại số tiền 560.000.000 đồng. Hiện Q chưa bồi thường.

**Tại bản Cáo trạng số 495/CT-VKS-P2 ngày 19/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Nguyễn Văn Q, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.**

*Tại phiên tòa hôm nay:*

- Bị cáo Nguyễn Văn Q khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với bị cáo. Đồng thời bị cáo đồng ý với yêu cầu hoàn trả lại anh Phan Minh P số tiền 660.000.000 đồng và anh Mai Tiến N số tiền 500.000.000 đồng.

- Bị hại Phan Minh P yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền 660.000.000 đồng và anh Mai Tiến N yêu cầu trả lại số tiền 500.000.000 đồng và cùng đề nghị xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Q theo các quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi nêu lại nội dung vụ án, phân tích tính chất và hậu quả của vụ án, trên cơ sở các chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa cũng như toàn bộ lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi nêu các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để tuyên phạt bị cáo mức án từ 14 năm đến 15 năm tù, đồng thời đề nghị xử lý về trách nhiệm dân sự cũng như nghĩa vụ nộp án phí theo quy định.

- Bị cáo Nguyễn Văn Q không tranh luận. Đồng thời, bị cáo xin miễn, giảm án phí vì bị cáo là người cao tuổi, có hoàn cảnh khó khăn.

- Luật sư Đoàn Anh Phương V bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với tội danh và khung hình phạt mà cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Song đề nghị xem xét các tình tiết như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu có nhân thân tốt, đã từng phục vụ nghĩa vụ quân sự ở nước bạn Cam Pu Chia, nay bị cáo đã 62 tuổi là người cao tuổi và tại phiên tòa các bị hại đều có yêu cầu xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, nên đề nghị áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, để xét xử mức án nhẹ hơn mức án mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

Về trách nhiệm dân sự bị cáo đã đồng ý thỏa thuận bồi thường chi bị hại P số tiền là 660.000.000 đồng và bồi thường cho bị hại N số tiền là 500.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo có đơn xin miễn giảm án phí hình sự và dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn Q đồng ý với lời bào chữa của luật sư và không tranh luận bổ sung, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị hại Phan Minh P và Mai Tiến N không có ý kiến tranh luận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối đáp: Đồng ý đối với các tình tiết giảm nhẹ mà luật sư đã nêu, song giữ nguyên quan điểm về mức hình phạt. Đồng thời đồng ý đề nghị xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo vì bị cáo là người cao tuổi.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát, luật sư đối đáp giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ra bản án đúng quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố, trên cơ sở lời khai của bị cáo tại hồ sơ vụ án, như bản tự khai, biên bản lời khai, biên bản hỏi cung... cũng như lời khai của bị cáo, các bị hại, có mặt tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như kết luận giám định số 2440/KLGD-TT ngày 13/5/2021, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh ... lời khai của các nhân chứng khác và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, từ đó có đủ cơ sở để xác định:

Lợi dụng mối quan hệ quen biết trong quá trình môi giới mua bán bất động sản, bị cáo Nguyễn Văn Q mặc dù không được phân chia thừa kế đối với lô đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 257.QSDĐ/Q4 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 19/5/2000, có diện tích 673m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 574, tờ bản đồ số 8, xã BD, huyện Q, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Phạm Thị Ch (đã chết) đứng tên sở hữu quyền sử dụng và bà Ch có để lại thừa kế cho Nguyễn Thị Kim L, Trịnh Văn H3, Nguyễn Thị H4, Lê Văn T, nhưng Nguyễn Văn Q đã tự viết, ký tên và tự điểm chỉ bằng những ngón tay khác nhau của bản thân vào tờ “Giấy tương phân gia tộc”, đối với phần đất thứ 4 từ ngoài vào, với diện tích 5x12m mà bà Nguyễn Thị Kim L được hưởng thừa kế của bà Ch. Rồi vào các ngày 01/4/2020 và ngày 13/7/2020 bị cáo Nguyễn Văn Q đã sử dụng “Giấy tương phân gia tộc” giả nêu trên để bán lô đất trên cho anh Phan Minh P và anh Mai Tiến N chiếm đoạt tổng số tiền 1.160.000.000 đồng.

Do vậy, hành vi đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của các bị hại với tổng số tiền 1.160.000.000 đồng, là có giá trị “Chiếm đoạt tài sản trị giá

từ 500.000.000 đồng trở lên”, nên hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Q đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2] Bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng do lười lao động, đồng thời để có tiền nhằm thoả mãn tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã bất chấp pháp luật để cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến an N trật tự tại địa phương, thể hiện ý thức coi thường và bất chấp pháp luật.

*Về tình tiết tăng nặng:* Bị cáo phạm tội hai lần đối với các bị hại Phan Minh P và Mai Tiến N và giá trị mỗi lần chiếm đoạt đều có giá trị 500.000.000 đồng trở lên, là tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

*Về tình tiết giảm nhẹ:* Tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, phạm tội lần đầu và đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, tại phiên tòa các bị hại đều có yêu cầu xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

Do vậy, Hội đồng xét xử thấy bị cáo tuy chưa có tiền án, tiền sự, song hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nên cần thiết phải xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và phải buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam trong một thời gian nhất định để răn đe, phòng ngừa chung và cũng để bị cáo có thời gian tự rèn luyện trở thành người công dân lương thiện, có ích cho xã hội và biết tôn trọng pháp luật.

[3] Từ nhận định trên Hội đồng xét xử thấy bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cũng như lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q với tội danh “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, cũng như mức hình phạt nêu trên là có cơ sở để chấp nhận.

Đồng thời không chấp nhận xử bị cáo dưới mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, song chấp nhận việc miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Hội đồng xét thấy trong quá trình

điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo cung cấp tài liệu chứng cứ phù hợp với các quy định của pháp luật; bị cáo, luật sư và các bị hại không có người nào có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Đối với đối tượng Lê Hoàng S và Trần Tuấn H là những người môi giới mua, bán bất động sản đã giới thiệu cho Nguyễn Văn Q lừa bán lô đất nêu trên cho anh Mai Tiến N và anh Phan Minh P nhưng hoàn toàn không biết Nguyễn Văn Q giả mạo giấy tờ và không có thu lợi gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét và đề cập đến.

Đối với Nguyễn Thu H2 là người có giao dịch Nguyễn Văn Q để mua lô đất trên, nhằm mục đích làm rõ hành vi lừa đảo của Nguyễn Văn Q để tố cáo Nguyễn Văn Q trước cơ quan pháp luật, ngoài ra không vì mục đích nào khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét và đề cập đến.

Đối với Trần Công K hiện là người đang đang hữu hợp pháp quyền sử dụng đất có nguồn gốc của bà Nguyễn Thị Kim L được hưởng thừa kế của bà Ch và không quen biết bị cáo Q, cũng như không có hành vi gian dối cùng với bị cáo để chuyển nhượng lô đất nói trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét và đề cập đến.

Đối với Văn phòng Thừa phát lại Quận Y đã ký vi bằng số 1002/2020/VB-TPL-Q10 lập ngày 01/4/2020 và vi bằng không số lập ngày 13/7/2020 cùng mua bán với một vị trí đất, với diện tích 5x12m mà bà Nguyễn Thị Kim L được hưởng thừa kế của bà Ch, cùng với một “Giấy tương phân gia tộc” mà Nguyễn Văn Q đã làm giả, để tạo điều kiện cho Nguyễn Văn Q lừa bán lô đất trên cho anh Phan Minh P và anh Mai Tiến N, rồi chiếm đoạt tổng số tiền 1.160.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy cần kiến nghị Sở tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh có biện pháp xử lý trách nhiệm theo các quy định của pháp luật đối với Văn phòng Thừa phát lại Quận Y.

[6] Các vấn đề khác:

*\*Vật chứng thu giữ:* Bao gồm là các tài liệu thu giữ kèm theo hồ sơ vụ án, nên tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

*\* Về trách nhiệm dân sự trong vụ án:* Bị hại Phan Minh P yêu cầu hoàn trả lại số tiền 660.000.000 đồng và anh Mai Tiến N yêu cầu trả lại số tiền 500.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo cũng thỏa thuận đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền này, nên Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận này là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Việc thực hiện giao nhận các khoản tiền nêu trên tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

\* *Về án phí*: Tình đến ngày xét xử hôm nay bị cáo Nguyễn Văn Q đã trên 60 tuổi (thuộc diện người cao tuổi theo luật) và tại phiên tòa bị cáo có đơn đề nghị được miễn nộp án phí hình sự, dân sự sơ thẩm, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định của pháp luật hiện hành.

\* *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo các quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Xử:

1/ Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Q** 14 (mười bốn) năm tù, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 13/11/2020.

2/ *Về trách nhiệm dân sự*: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Căn cứ các Điều 357, 468; 584; 585; 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Toà án nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Bộ tư pháp; Bộ tài chính.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải trả lại cho anh Phan Minh P số tiền 660.000.000 (Sáu trăm sáu mươi triệu) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải trả lại cho anh Mai Tiến N yêu cầu trả lại số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng.

Việc thực hiện giao nhận các khoản tiền nêu trên tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả cho bên được thi hành án theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3/ *Về án phí*: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và áp dụng Điều 22 và 23 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cùng danh mục án phí, lệ phí tòa án,

Bị cáo Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí hình sự sơ và án phí dân sự sơ thẩm.



4/ Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331; 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, các bị hại có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12 tháng 01 năm 2022) để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TPHCM; (1)
- VKSND TPHCM; (3)
- Cục THADS; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Luật sư; (1)
- Bị hại; (2)
- Người CQLNVLQ; (5)
- THAHS; (1)
- P. PV06 - CA TPHCM; (1)
- Sở Tư pháp (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (23) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Hồng Sơn**